

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 337/2022/HS-PT

Ngày 19 tháng 5 năm 2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Tấn

Các Thẩm phán: 1/ Ông Đặng Văn Ý

2/ Ông Lê Văn An

Thư ký phiên tòa: Ông Thân Văn Nhường, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân: Ông Nguyễn Văn Phụng, Kiểm sát viên cao cấp Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 19 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 40/2022/TLPT-HS ngày 20/01/2022. Do có kháng cáo của người bị hại ông Lê Hoàng L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Quỹ tín dụng nhân dân NCT đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2021/HS-ST ngày 03/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Bị cáo bị kháng cáo: **Nguyễn Hoàng T**, sinh năm 1954; Giới tính: Nam; Địa chỉ: Khu vực 5, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang; Nghề nghiệp: Công chứng viên; Trình độ học vấn: 12/12; Họ và tên cha: Nguyễn Văn Đ (Chết); Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị Đ1 (Chết); Có vợ và 5 con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

Người bị hại kháng cáo:

Ông Lê Hoàng L, sinh năm 1963; Địa chỉ: G9/7 đường số A, khu dân cư B, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ (Có mặt).

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan kháng cáo:

Quỹ tín dụng nhân dân NCT; Địa chỉ: 69 BQT, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn Ph, nhân viên KD (Có mặt).

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan bị kháng cáo:

Văn phòng Công chứng Nguyễn Hoàng T (nay đổi tên là VP Công chứng Mạc Hồng V); Địa chỉ: 27 NTH, khu vực X, phường Y, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Mạc Hồng V (Có VB xin vắng mặt)

Người làm chứng bị kháng cáo:

1/ Ông Võ Hồng H, sinh năm 1951; Địa chỉ: Ấp 1, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hậu Giang (Có mặt).

2/ Ông Nguyễn Đoàn Đ2, sinh năm 1991; Địa chỉ: Ấp M2, xã T, huyện V, tỉnh Hậu Giang (Có mặt).

Trong vụ án này còn có bị cáo Đặng Văn D và những người bị hại, những người có quyền, nghĩa vụ liên quan khác không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Bản án sơ thẩm, vụ án có nội dung như sau:

Vào khoảng 10 giờ ngày 18/5/2019, bị cáo Đặng Văn D phát hiện nhà mẹ ruột của mình là bà Nguyễn Thị L1 ở cùng với vợ chồng anh ruột là Đặng Văn K và chị Nguyễn Thị Ngọc Đ3 không có ai ở nhà nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản.

D lén lút vào nhà định lấy trộm tiền của mẹ ruột nhưng không có, nên bị cáo đi vào phòng ngủ của vợ chồng anh K tìm kiếm tài sản để trộm thì phát hiện cái tủ nhôm bị khóa, chìa khóa để trên đầu tủ. Lúc này, bị cáo lấy chìa khóa mở tủ ra thì thấy có 06 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà L1 đứng tên được để dưới khăn tắm đã được xếp sẵn. Sau đó, bị cáo lấy ngẫu nhiên từ trên xuống dưới 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 1263, tờ bản đồ số 11, địa chỉ ấp 8, xã Vị Đông, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang diện tích 491,0 m², loại đất trồng cây hàng năm khác và thửa đất số 38, tờ bản đồ số 11, diện tích 5567,0 m², loại đất chuyên trồng lúa nước.

Đến ngày 20/5/2019, bị cáo thuê ông Võ Hồng H (là người trước đây có làm thủ tục thừa kế sang tên quyền sử dụng đất từ cha ruột của bị cáo đã mất để lại cho bà L1 nên bị cáo quen biết ông H) đến Văn phòng công chứng Nguyễn Hoàng T tại thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang làm thủ tục công chứng Hợp đồng tặng cho 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ bà Nguyễn Thị L1 qua cho bị cáo.

Quá trình làm thủ tục tặng cho, ông H đã đem Hợp đồng ra khỏi Văn phòng công chứng và đưa cho bị cáo đem Hợp đồng về nhà đưa cho bà L1 ký tên thì bị

cáo dùng ngón trỏ bàn tay phải của mình điểm chỉ vào phần bên A (bên bà L1 kí tên hoặc điểm chỉ) của Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà L1 và bị cáo. Sau đó, bị cáo đến Văn phòng công chứng Nguyễn Hoàng T để công chứng hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và có sự chứng kiến của ông H. Mặc dù không chứng kiến việc bà L1 ký tên hoặc điểm chỉ vào hợp đồng nhưng Văn phòng công chứng vẫn tiến hành công chứng. Sau khi sang tên 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bị cáo đem thửa số 1263 cầm cho ông Lê Hoàng L với số tiền 350.000.000đồng, còn thửa số 38, D đem cầm cho anh Lưu Quốc Kh với số tiền 250.000.000đồng.

Vào khoảng 09 giờ ngày 01/7/2019, bị cáo đi vào phòng của vợ chồng anh ruột là Đặng Văn K tiếp tục lấy trộm 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà L1 đứng tên là thửa đất số 37, tờ bản đồ số 11, diện tích 4356m², loại đất chuyên trồng lúa nước. Đến ngày 03/7/2019, bị cáo tiếp tục thuê ông H cùng với bị cáo đến Văn phòng công chứng Nguyễn Hoàng T để làm thủ tục tặng cho như lần đầu mà không có mặt của bà L1, nhưng lần này ông H chứng kiến việc bị cáo dùng ngón trỏ bàn tay phải điểm chỉ vào bên A (bên bà L1 ký tên hoặc điểm chỉ).

Cả hai Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đều do ông H ghi tên Nguyễn Thị L1 dưới dấu vân tay của D. Mặc dù không chứng kiến việc người yêu cầu công chứng, người làm chứng phải ký vào hợp đồng, giao dịch trước mặt công chứng viên nhưng Công chứng viên Nguyễn Hoàng T vẫn tiến hành ký chứng nhận đối với 02 hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 20/5/2019 và ngày 03/7/2019.

Đến ngày 20/9/2019, D và Phạm Thị Kiều H, nơi cư trú: Khu vực 1, phường IV, thành phố Vị Thanh (là vợ của D) làm thủ tục sang tên thửa đất số 37 và 1263 với số tiền 350.000.000đồng và 02 thửa đất số 1257, tờ bản đồ số 11, địa chỉ ấp 8, xã Vị Đông, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang diện tích 132m², loại đất trồng cây hàng năm và 1264, tờ bản đồ số 11, địa chỉ ấp 8, xã Vị Đông, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang diện tích 42m², loại đất ở tại nông thôn do Phạm Thị Kiều H đứng tên với số tiền 200.000.000đồng cho ông Lê Hoàng L. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Hoàng T do Công chứng viên Phạm Hiếu L2 ký chứng nhận.

Ngày 09/12/2019, D tiếp tục sang tên thửa đất số 38 cho ông Lê Hoàng L tại Văn phòng công chứng Bùi Quang Nhơn với số tiền 350.000.000đồng sau khi đã chuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất D đã cầm cho anh Lưu Quốc Kh. Sau đó, ông Lê Hoàng L đã thế chấp 05 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên tại Quỹ tín dụng nhân dân NCT với số tiền 850.000.000 đồng.

Vào khoảng 11giờ ngày 23/01/2020 D tiếp tục đi vào phòng ngủ của vợ chồng anh K lấy chìa khóa trên đầu tủ để mở tủ rồi lục quần áo treo trong tủ tìm tài

sản thì phát hiện cái bóp trong túi sau quần Jean của anh K và hộp đựng vàng trong túi áo của anh K có 1 chiếc nhẫn vàng, kiểu nữ. D lấy cái bóp và chiếc nhẫn bỏ vào túi quần. Sau khi lấy trộm được tài sản, D về nhà mở bóp ra kiểm tra thì phát hiện có 18.000.000đồng. Sau đó, D mang chiếc nhẫn đem đến tiệm vàng Văn Quang bán được 500.000đồng, số tiền mà Đặng Văn D chiếm đoạt được sử dụng vào việc mua phế liệu, trả nợ cho người khác, đóng lãi và tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 25/01/2020, anh Đặng Văn K phát hiện bị mất tài sản nên trình báo Cơ quan Công an.

Quá trình điều tra, Đặng Văn D thừa nhận vào ngày 18/5/2019 và ngày 01/7/2019, D đã trộm cắp 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà L1 đứng tên chủ sở hữu cùng với số tiền 18.000.000đồng và 01 chiếc nhẫn hột kiểu nữ, trọng lượng 02 phân vàng 18k của anh ruột Đặng Văn K để tiêu xài cá nhân.

Sau đó, D điện thoại cho ông Võ Hồng H thuê làm thủ tục hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và nói với ông H là mẹ ruột bị bệnh, già yếu không ký tên được. D thuê ông H làm thủ tục sang tên 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với số tiền 12.000.000đồng, D mới trả được cho ông H số tiền 10.000.000đồng. Tiếp đó, D đã dùng thủ đoạn gian dối là dùng ngón trỏ bàn tay phải lấn vào tên của bà L1 để làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất từ bà L1 sang tên qua cho D. Cả hai lần, D lấn tay vào phía bên A “bên bà L1” đều có sự chứng kiến của ông H và ông H viết tên Nguyễn Thị L1 dưới dấu lấn tay. Sau khi chuyển từ tên bà L1 sang tên của D, đến ngày 20/9/2019 và ngày 09/12/2019, D đã chuyển nhượng 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Hoàng L với số tiền 700.000.000đồng.

Đối với Nguyễn Hoàng T khai nhận vào ngày 20/5/2019 và ngày 03/7/2019 có công chứng 02 Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 1780 và số 2490 từ mẹ ruột Nguyễn Thị L1 tặng cho con là Đặng Văn D gồm 03 thửa đất số 1263, 38, 37. Thủ tục tiếp nhận hồ sơ đối với người đến Văn phòng công chứng yêu cầu soạn thảo hợp đồng giao dịch dân sự do Nguyễn Đoàn Đ2 là chuyên viên thẩm định hồ sơ. Sau khi đầy đủ thủ tục thì Đ2 tiếp tục soạn thảo hợp đồng xong thì yêu cầu kiểm tra lại hợp đồng. Đến lúc Đ2 trình Hợp đồng cho ông T để ký chứng nhận Công chứng viên thì ông T chỉ kiểm tra trên Hợp đồng thấy đầy đủ thủ tục và thành phần ký tên, điểm chỉ nên ký chứng nhận Công chứng viên vào hợp đồng mà không yêu cầu người yêu cầu công chứng, người làm chứng phải ký vào hợp đồng, giao dịch trước mặt Công chứng viên.

Đối với ông Võ Hồng H khai nhận vào khoảng 08 giờ ngày 20/5/2019, D điện thoại cho ông H để thuê ông H làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất từ mẹ ruột là bà Nguyễn Thị L1 tặng cho D. Sau đó, ông H đến Văn phòng công chứng Nguyễn Hoàng T để gặp D. Tại đây, D đưa cho ông H 02 Giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất thửa số 1263 và thửa số 38 do bà L1 đứng tên (bản gốc), giấy CMND Đặng Văn D (bản chính), CMND Nguyễn Thị L1 (bản photo) và sổ hộ khẩu (bản photo), ông H vào Văn phòng công chứng gặp Nguyễn Đoàn Đ2 là chuyên viên thẩm định hồ sơ để yêu cầu soạn thảo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất từ mẹ ruột Nguyễn Thị L1 tặng cho con là Đặng Văn D.

Sau khi soạn thảo Hợp đồng xong, Đ2 đưa lại cho ông H kiểm tra đúng nội dung yêu cầu thì D vào Văn phòng công chứng ký tên, viết tên Đặng Văn D vào bên B (bên được tặng cho), sau đó ông H nói đem Hợp đồng ra bên ngoài Văn phòng công chứng về cho bà L1 ký tên (Đ2 kêu ông H hỏi ông T nếu ông T cho phép thì ông H mới được đem hợp đồng ra bên ngoài nhưng ông H không hỏi ông T mà tự ý đem Hợp đồng ra khỏi Văn phòng công chứng). Ông H đã đưa Hợp đồng cho D cùng với hộp tam bông ông H đã mua từ trước để D đem Hợp đồng về nhà cho bà L1 lăn tay. Đến đầu giờ chiều cùng ngày, D điện thoại cho ông H để đem hợp đồng nộp lại Văn phòng công chứng, lúc D đưa hợp đồng lại cho ông H thấy thiếu tên bà L1 nên ông H đã viết tên Nguyễn Thị L1 dưới dấu lăn tay, Đ2 kiểm tra hồ sơ thì thấy bà L1 lăn tay nên Đ2 yêu cầu phải có người làm chứng nên ông H đã ký tên người làm chứng vào Hợp đồng. Đối với hợp đồng tặng cho lần này D trả cho ông H số tiền 2.000.000đồng.

Đến khoảng 08 giờ ngày 03/7/2020, D tiếp tục điện thoại để thuê ông H làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất từ bà Nguyễn Thị L1 tặng cho D thửa đất số 37, trình tự thủ tục cũng giống như lần đầu, nhưng lần này ông H cùng với D đem hợp đồng ra ngoài. Trên đường đi hướng về huyện Vị Thủy, ông H và D đã ghé quán cà phê. Tiếp đó, D đã lăn tay vào bên A (bên bà L1) trước sự chứng kiến của ông H và ông H viết tên Nguyễn Thị L1 dưới dấu lăn tay. Ông H yêu cầu D viết cam kết “Tôi là Đặng Văn D có nhận một bộ hồ sơ cho tặng về cho mẹ ruột tôi lăn tay, tôi cam kết nếu sai tôi hoàn toàn chịu trước pháp luật”. Sau đó, ông H đã đem hồ sơ nộp lại Văn phòng công chứng và lần này ông H cũng ký tên người làm chứng, số tiền D thuê ông H làm thủ tục tặng cho lần này D hứa cho ông H 3.000.000đồng, nhưng D chưa đưa ông H.

Ngày 28/10/2020, Thanh tra Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 03/QĐ-XPVPHC đối với ông Nguyễn Hoàng T với số tiền 7.000.000đồng. Ngày 28/10/2020, ông Nguyễn Hoàng T đã nộp phạt xong. Đến ngày 01/6/2021, Thanh tra Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang ra Quyết định hủy bỏ quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 04/QĐ-HBXPVPHC đối với ông Nguyễn Hoàng T.

Tại Kết luận giám định số 266/GĐ-PC09 ngày 29/4/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hậu Giang kết luận: Các dấu vân tay kí hiệu số 2;3;5;6;7;9;11

trong 04 (bốn) “HỢP ĐỒNG TẶNG QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT”, công chứng ngày 20/5/2019 và ngày 03/7/2019 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Hoàng T với dấu vân tay ngón “trỏ phải” trên chỉ bản lập ngày 09/4/2020, tại ấp 8, xã Vị Đông, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang, họ tên: Đặng Văn D, sinh năm 1983, ĐKTT: ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang là dấu vân tay của cùng một người.

Tại Kết luận định giá tài sản số 518/KL-HĐ.ĐGTS ngày 31/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản - Ủy ban nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang xác định giá trị của 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Nguyễn Thị L1, thửa đất số 1263, 38, 37 theo quy định Nhà nước tại thời điểm năm 2019 với số tiền là 468.630.000đồng và 02 phân vàng 18K, loại nhẫn nữ có hột là 520.000đồng.

Ngày 21/6/2021, Nguyễn Phong A (là nhân viên Văn phòng công chứng Nguyễn Hoàng T) nộp 100.000.000đồng tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Hậu Giang để khắc phục hậu quả cho bị cáo Nguyễn Hoàng T.

Tại bản cáo trạng số 17/CT-VKS-PI ngày 24/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang, có nội dung: Truy tố Đặng Văn D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174, khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Truy tố Nguyễn Hoàng T về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo khoản 2 Điều 360 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2021/HS-ST ngày 03/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, đã tuyên xử:

Căn cứ Điều 106, 268, 269, 329 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Đặng Văn D (tên gọi khác: Dự) phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo Nguyễn Hoàng T phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”.

Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Đặng Văn D 13 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Đặng Văn D 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), tổng hợp hình phạt chung của hai tội buộc bị cáo Đặng Văn D phải chấp hành là 14 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/8/2020. Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để bảo đảm thi hành án.

Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 360; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng T 24 tháng cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu tính thời gian cải tạo không giam giữ là ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Nguyễn Hoàng T cho Ủy ban nhân dân phường Thuận An, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang để giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Bị cáo được miễn việc khấu trừ thu nhập.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Các Điều 122, Điều 123, Điều 124, Điều 584, Điều 585, Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Đặng Văn D và Văn phòng công chứng Mạc Hồng V có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông Lê Hoàng L tổng số tiền 969.000.000đồng. Bị cáo D và Văn phòng công chứng Mạc Hồng V mỗi bên phải bồi thường số tiền 484.500.000đồng. Khấu trừ số tiền bị cáo D đã đóng lãi cho ông L 21.000.000đồng, bị cáo D còn phải bồi thường số tiền 463.500.000đồng. Đối với Văn phòng công chứng Mạc Hồng V phải bồi thường cho ông L số tiền 484.500.000đồng, khấu trừ số tiền 100.000.000đồng bị cáo Nguyễn Hoàng T đã nộp tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Hậu Giang theo Biên lai thu tiền số 0009864 ngày 21/6/2021, Văn phòng công chứng Mạc Hồng V còn phải bồi thường số tiền 384.500.000đồng.

Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bên tặng cho là bà Nguyễn Thị L1 với bên nhận tặng cho Đặng Văn D đối với thửa đất số 1263 diện tích 491m² và thửa đất số 38 diện tích 5567m² công chứng ngày 20/5/2019 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Hoàng T, số công chứng: 1780, quyền số 02 TP/CC-SCC/HĐGD.

Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bên tặng cho là bà Nguyễn Thị L1 với bên nhận tặng cho Đặng Văn D đối với thửa đất số 37 diện tích 4356m² công chứng ngày 03/7/2019 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Hoàng T, số công chứng: 2490, quyền số 02 TP/CC-SCC/HĐGD.

Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bên chuyển nhượng Đặng Văn D với bên nhận chuyển nhượng Lê Hoàng L đối với thửa đất số 38 diện tích 5567m² công chứng ngày 09/12/2019 tại Văn phòng công chứng Bùi Quang Nhơn, số công chứng: 5698, quyền số 03/2019/TP/CC-SCC/HĐGD.

Hủy một phần hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bên chuyển nhượng Đặng Văn D, Phạm Thị Kiều H với bên nhận chuyển nhượng Lê Hoàng L đối với thửa đất số 37 diện tích 4356m²; thửa đất số 1263 diện tích 491m² công chứng ngày 20/9/2019 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Hoàng T, số công chứng: 3674, quyền số 03 TP/CC-SCC/HĐGD.

Hủy hợp đồng thế chấp số 548B/2019/HĐTC/QTDNDCT ngày 16/12/2019 đối với thửa đất số 38 diện tích 5567m² vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02896 và một phần hợp đồng thế chấp số 548A/2019/HĐTC/QTDNDCT ngày 02/12/2019 đối với thửa đất số 37 diện tích 4356m² vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02895 ngày 11/4/2018; thửa 1263 diện tích 491m² vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02897 ngày 11/4/2018 giữa Quỹ tín dụng nhân dân NCT với ông Lê Hoàng L.

Tách hợp đồng tín dụng số 548/2019/HĐTD/QTDNDNCT ngày 02/12/2019 giữa Quỹ tín dụng nhân dân NCT với ông Lê Hoàng L ra giải quyết thành vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

Buộc Quỹ tín dụng nhân dân NCT giao lại các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02896 thửa đất số 38 diện tích 5567m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02895 ngày 11/4/2018 thửa đất số 37 diện tích 4356m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02897 ngày 11/4/2018 thửa 1263 diện tích 491m² cho bà Nguyễn Thị L1.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang điều chỉnh lại các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên cho bà Nguyễn Thị L1.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

Trả lại cho bị cáo Đặng Văn D 01 điện thoại di động hiệu OPPO A3S, màu đen đã qua sử dụng; số Imei 1: 866615041853514; số Imei 2: 866615041853506; 01 (một) điện thoại Iphone 4S, màu trắng đã qua sử dụng, màn hình bị vỡ; số Imei: 013056001291019. (Vật chứng hiện đang được quản lý tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/12/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hậu Giang và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội.

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Đặng Văn D phải chịu số tiền 200.000đồng. Bị cáo Nguyễn Hoàng T phải chịu số tiền 200.000đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Đặng Văn D phải chịu số tiền 22.540.000đồng; Văn phòng công chứng Mạc Hồng V chịu số tiền 19.200.000đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề liên quan đến quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 17/12/2021, ông Lê Hoàng L làm đơn kháng cáo, nêu lý do: Yêu cầu xem xét lại trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Hoàng T, xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông Võ Hồng H và ông Nguyễn Đoàn Đ2; Yêu cầu buộc Văn phòng Công chứng Nguyễn Hoàng T (nay là VP Công chứng Mạc Hồng V) phải bồi hoàn toàn bộ số tiền nêu trên.

Ngày 17/12/2021, Quỹ tín dụng nhân dân NCT làm đơn kháng cáo, nêu lý do: Yêu cầu buộc Văn phòng Công chứng phải phối hợp với Quỹ tín dụng nhân dân NCT để xử lý số tiền nợ của ông Lê Hoàng L theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Tại phiên tòa phúc thẩm phía người kháng cáo ông Lê Hoàng L và Quỹ tín dụng nhân dân NCT vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bị cáo Nguyễn Hoàng T cho rằng, bị cáo không có mối quan hệ quen biết trước, cũng như không có bàn bạc, thỏa thuận gì trước với bị cáo D và cũng không biết được ý định, mục đích của D là lừa đảo đối với ông L. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội thiếu trách nhiệm là đúng, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh của bị cáo theo quy định của pháp luật.

Ông H, và ông Đ2 cũng đề nghị xem xét theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm cho rằng, Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Những người tham gia phiên tòa cũng đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung giải quyết yêu cầu kháng cáo: Viện kiểm sát cho rằng tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết về mặt xử lý hình sự, về tội danh, mức hình phạt và phần dân sự là phù hợp với quy định của pháp luật. Viện kiểm sát đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Lê Hoàng L và Quỹ tín dụng nhân dân NCT làm trong hạn luật định, nên thủ tục kháng cáo hợp lệ.

[2] Về nội dung giải quyết kháng cáo:

[2.1] Sau khi trộm cắp được ba giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Nguyễn Thị L1 vào ngày 20/5/2019 và ngày 03/7/2019 bị cáo D đã cùng ông Võ Hồng H đến Văn phòng công chứng Nguyễn Hoàng T làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất từ bà L1 sang cho bị cáo D. Bị cáo D đã giả mạo dấu vân tay của bà L1 điểm chỉ vào các hợp đồng đem nộp tại Văn phòng công chứng.

Vào ngày 20/5/2019 và ngày 03/7/2019 khi nhận được các hợp đồng tặng cho có chữ ký của bị cáo D và dấu lặn tay mà bị cáo D giả của bà L1 cùng chữ ký của ông H là người làm chứng, bị cáo T là công chứng viên đã ký công chứng vào các hợp đồng tặng cho này mà không yêu cầu những người tham gia việc chuyển nhượng tặng cho cũng như là người làm chứng ký tên vào hợp đồng trước mặt công chứng viên.

Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bị cáo D đã chuyển nhượng ba phần đất này cho ông Lê Hoàng L với tổng số tiền 700.000.000đồng.

Ngoài ra, ngày 23/01/2020 bị cáo D còn lén lút trộm cắp của anh Đặng Văn K số tiền 18.000.000đồng, một nhẫn vàng 18K.

Trong vụ án này, đối với bị cáo Nguyễn Hoàng T khi làm các thủ tục công chứng tặng cho quyền sử dụng đất ba thửa đất nêu trên từ bà L1 cho Đặng Văn D, bị cáo T đã không yêu cầu những người tham gia cho tặng và người làm chứng ký tên vào hợp đồng trước mặt công chứng viên. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định hành vi trên vi phạm tại khoản 1 Điều 48 Luật Công chứng năm 2014 dẫn đến hậu quả là bị cáo D đã lừa đảo mua bán đất trên cho ông L để chiếm đoạt tiền của ông L. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử bị cáo Đặng Văn D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Trộm cắp tài sản” theo quy định của Bộ luật Hình sự là phù hợp.

Đối với bị cáo Nguyễn Hoàng T bị xét xử về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” là có căn cứ đúng với quy định của pháp luật.

[2.2] Xét kháng cáo của ông L về việc yêu cầu phải xét xử đối với bị cáo T về hành vi đồng phạm lừa đảo thì thấy:

Trong vụ án này thì bị cáo T có hai lần công chứng hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất không đúng quy định pháp luật. Từ đó, bị cáo D đã lợi dụng vào hợp đồng tặng cho này để chiếm đoạt tài sản của ông Lê Hoàng L, giữa bị cáo T và bị cáo D không quen biết và cũng không có thỏa thuận, không biết trước được động cơ, mục đích của D dùng những hợp đồng này để đi lừa đảo chiếm đoạt tiền của ông L.

Toà án cấp sơ thẩm đã có xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, xem xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, quyết định về tội danh và hình phạt như

đã nêu trên là phù hợp. Nên việc ông L cho rằng bị cáo T đồng phạm về tội lừa đảo với bị cáo D là không có cơ sở để chấp nhận.

[2.3] Xét đối với yêu cầu của ông L về việc xử lý trách nhiệm hình sự đối với ông Võ Hồng H đồng phạm về tội lừa đảo thì thấy: Về ý thức chủ quan, ông H khi thực hiện các dịch vụ để nộp hồ sơ làm công chứng thì không biết trước được D đã lén trộm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà có. Đồng thời ông H cũng không biết trước được mục đích, động cơ của bị cáo D, về sau này thì bị cáo D mới làm thủ tục chuyển nhượng cho ông L. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định chưa đủ cơ sở với vai trò đồng phạm của ông H là phù hợp.

Sau khi vụ án được phát hiện thì Thanh tra Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính ngày 28/10/2020 đối với ông H. Do đó, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án cấp sơ thẩm không xử lý đối với hành vi của ông H là đúng quy định pháp luật.

[2.4] Xét đối với yêu cầu của ông L về việc xử lý trách nhiệm hình sự của ông Nguyễn Đoàn Đ2: Ông Đ2 là nhân viên của bị cáo T, giữa ông Đ2 với ông D, ông H cũng không có mối quan hệ thỏa thuận trước và không biết trước mục đích lừa đảo của bị cáo D. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm cũng không xử lý trách nhiệm hình sự đối với ông Đ2 là có căn cứ hợp pháp.

[2.5] Xét đối với yêu cầu buộc Văn phòng Công chứng Nguyễn Hoàng T (nay là Văn phòng Công chứng Mạc Hồng V) phải bồi hoàn toàn bộ số tiền phát sinh từ việc công chứng trái pháp luật: Xét thấy, bị cáo D là người lỗi trong việc thực hiện hợp đồng và bị cáo T là công chứng viên của Văn phòng Công chứng Nguyễn Hoàng T (nay là Văn phòng Công chứng Mạc Hồng V), đây là trách nhiệm khi thực hiện nhiệm vụ của Văn phòng công chứng nên việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo D và Văn phòng Công chứng Nguyễn Hoàng T (nay là Văn phòng Công chứng Mạc Hồng V) liên đới bồi thường cho ông L là phù hợp.

[2.6] Xét đối với yêu cầu của phía Quỹ tín dụng nhân dân NCT thì Tòa án cấp sơ thẩm đã hủy các hợp đồng tặng cho giữa bị cáo D và bà L1 (mẹ D) do giả tạo, hủy hợp đồng chuyển nhượng giữa bị cáo D với ông L, và xác định các tài sản nêu trên là tang vật của vụ án. Từ đó, hủy hợp đồng thế chấp giữa ông L với Quỹ tín dụng là có căn cứ hợp pháp.

Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, về phần dân sự thì phía Quỹ tín dụng nhân dân NCT không có yêu cầu giải quyết về hậu quả hợp đồng, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã tách ra để giải quyết thành một vụ việc khác khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật là phù hợp, nên việc Quỹ tín dụng nhân dân NCT yêu cầu phúc xử giải quyết hậu quả chung với vụ án này là không có cơ sở để chấp nhận.

[2.7] Tại cấp phúc thẩm, Do phía ông L và Quỹ tín dụng nhân dân NCT kháng cáo nhưng cũng không đưa ra được những tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó, không có cơ sở chấp nhận.

[3] *Về án phí phúc thẩm:* Do không chấp nhận kháng cáo nên phía ông L phải chịu án phí phúc thẩm.

[4] *Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật thi hành.*

Bởi các lẽ trên. Căn cứ Điều 355 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Hoàng L và Quỹ tín dụng nhân dân NCT. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1/ Tuyên bố: Bị cáo Đặng Văn D (tên gọi khác: Dư) phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo Nguyễn Hoàng T phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”.

Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Đặng Văn D 13 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Đặng Văn D 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), tổng hợp hình phạt chung của hai tội buộc bị cáo Đặng Văn D phải chấp hành là 14 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/8/2020. Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để bảo đảm thi hành án.

Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 360; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng T 24 tháng cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu tính thời gian cải tạo không giam giữ là ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Nguyễn Hoàng T cho Ủy ban nhân dân phường Thuận An, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang để giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Bị cáo được miễn việc khấu trừ thu nhập.

2/ Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Các Điều 122, Điều 123, Điều 124, Điều 584, Điều 585, Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Đặng Văn D và Văn phòng công chứng Mạc Hồng V có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông Lê Hoàng L tổng số tiền 969.000.000đồng. Bị cáo D và Văn phòng công chứng Mạc Hồng V mỗi bên phải bồi thường số tiền 484.500.000đồng. Khấu trừ số tiền bị cáo D đã đóng lãi cho ông L 21.000.000đồng, bị cáo D còn phải bồi thường số tiền 463.500.000đồng. Đối với Văn phòng công chứng Mạc Hồng V phải bồi thường cho ông L số tiền 484.500.000đồng, khấu trừ số tiền 100.000.000đồng bị cáo Nguyễn Hoàng T đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang theo Biên lai thu tiền số 0009864 ngày 21/6/2021, Văn phòng công chứng Mạc Hồng V còn phải bồi thường số tiền 384.500.000đồng.

Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bên tặng cho là bà Nguyễn Thị L1 với bên nhận tặng cho Đặng Văn D đối với thửa đất số 1263 diện tích 491m² và thửa đất số 38 diện tích 5567m² công chứng ngày 20/5/2019 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Hoàng T, số công chứng: 1780, quyền số 02 TP/CC-SCC/HĐGD.

Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bên tặng cho là bà Nguyễn Thị L1 với bên nhận tặng cho Đặng Văn D đối với thửa đất số 37 diện tích 4356m² công chứng ngày 03/7/2019 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Hoàng T, số công chứng: 2490, quyền số 02 TP/CC-SCC/HĐGD.

Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bên chuyển nhượng Đặng Văn D với bên nhận chuyển nhượng Lê Hoàng L đối với thửa đất số 38 diện tích 5567m² công chứng ngày 09/12/2019 tại Văn phòng công chứng Bùi Quang Nhơn, số công chứng: 5698, quyền số 03/2019/TP/CC-SCC/HĐGD.

Hủy một phần hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bên chuyển nhượng Đặng Văn D, Phạm Thị Kiều H với bên nhận chuyển nhượng Lê Hoàng L đối với thửa đất số 37 diện tích 4356m²; thửa đất số 1263 diện tích 491m² công chứng ngày 20/9/2019 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Hoàng T, số công chứng: 3674, quyền số 03 TP/CC-SCC/HĐGD.

Hủy hợp đồng thế chấp số 548B/2019/HĐTC/QTDNDCT ngày 16/12/2019 đối với thửa đất số 38 diện tích 5567m² vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02896 và một phần hợp đồng thế chấp số 548A/2019/HĐTC/QTDNDCT ngày 02/12/2019 đối với thửa đất số 37 diện tích 4356m² vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02895 ngày 11/4/2018; thửa 1263 diện tích 491m² vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02897 ngày 11/4/2018 giữa Quỹ tín dụng nhân dân NCT với ông Lê Hoàng L.

Tách hợp đồng tín dụng số 548/2019/HĐTD/QTDNDNCT ngày 02/12/2019 giữa Quỹ tín dụng nhân dân NCT với ông Lê Hoàng L ra giải quyết thành vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

Buộc Quỹ tín dụng nhân dân NCT giao lại các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02896 thửa đất số 38 diện tích 5567m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02895 ngày 11/4/2018 thửa đất số 37 diện tích 4356m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02897 ngày 11/4/2018 thửa 1263 diện tích 491m² cho bà Nguyễn Thị L1.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang điều chỉnh lại các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên cho bà Nguyễn Thị L1.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3/ Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Trả lại cho bị cáo Đặng Văn D 01 điện thoại di động hiệu OPPO A3S, màu đen đã qua sử dụng; số Imei 1: 866615041853514; số Imei 2: 866615041853506; 01 (một) điện thoại Iphone 4S, màu trắng đã qua sử dụng, màn hình bị vỡ; số Imei: 013056001291019. (Vật chứng hiện đang được quản lý tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/12/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hậu Giang và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang).

4/ Về án phí phúc thẩm: Ông Lê Hoàng L phải chịu 300.000đồng án phí kháng cáo, được khấu trừ 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000040 ngày 18/01/2022 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Hậu Giang.

5/ Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật thi hành.

6/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao.
- VKSNDCC tại Tp. HCM.
- VKSND tỉnh Hậu Giang.
- TAND tỉnh Hậu Giang (2).
- Công an tỉnh Hậu Giang.
- Cục THADS tỉnh Hậu Giang.
- Những người tham gia tố tụng
- Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang.
- Lưu VP; HS vụ án, TK NTV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LÊ HOÀNG TẤN